

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 218/2023/DS-ST
Ngày: 26/12/2023
“V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Đức Thụy.
- Ông Lê Văn Phụng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 291/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 573/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 654/2023/QĐHPT ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị Lệ B**, sinh năm 1974; địa chỉ: **số D, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp**; có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà **Tôn Thị L**, sinh năm 1972; địa chỉ: **số nhà I, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang**; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Võ Thị Lệ B** trình bày, do chỗ quen biết với bà **L**, bà **L** có tham gia hụi do bà làm chủ, số tiền bà hưởng hoa hồng từ các hụi viên khác hốt. Đến kỳ mở hụi, hụi viên nào mở giá hụi cao nhất thì được hốt hụi. Chủ

hụi có trách nhiệm thu tiền các hụi viên khác giao cho người hốt được và hưởng hoa hồng. Bà L tham gia 01 dây hụi 2.000.000 đ và 01 dây hụi 3.000.000 đồng cụ thể như sau:

Dây hụi 2.000.000đ/tháng khai ngày 20/01/2019 (al) hụi có 24 hụi viên, dây hụi này bà L tham gia 02 phần (trong dây hụi này chủ hụi ghi tên L số thứ tự số 01, 02).

Phần hụi thứ nhất, bà L đóng được 10 lần thì bà L bỏ hụi hốt, sau khi hốt hụi bà L có châu cho bà được 08 lần hụi chết, còn lại 06 lần hụi chết bà L không châu tiếp tục. Tổng cộng số tiền là 12.000.000 đồng. Hụi hiện nay đã mãn.

Phần hụi thứ hai, hụi khai đến lần thứ 12 thì bà L bỏ hụi hốt, sau khi hốt hụi bà L có châu cho bà được 06 lần hụi chết, còn lại 06 lần hụi chết bà L không châu tiếp tục. Tổng cộng số tiền là 12.000.000 đồng. Hụi hiện nay đã mãn.

Dây hụi 3.000.000đ/tháng khai ngày 05/4/2020 (al) hụi có 20 hụi viên, dây hụi này bà L tham gia 02 phần (trong dây hụi này chủ hụi ghi tên L số thứ tự số 03, 04).

Phần hụi thứ nhất, hụi khai đầu tiên thì bà L bỏ hụi hốt, sau khi hốt hụi bà L có châu cho bà được 03 lần hụi chết, còn lại 16 lần hụi chết bà L không châu tiếp tục. Tổng cộng số tiền là 48.000.000 đồng. Hụi hiện nay đã mãn.

Phần hụi thứ hai, bà L đóng được 02 lần thì bà L bỏ hụi hốt, sau khi hốt hụi bà L có châu cho bà được 01 lần hụi chết, còn lại 16 lần hụi chết bà L không châu tiếp tục. Tổng cộng số tiền là 48.000.000 đồng. Hụi hiện nay đã mãn.

* Tổng cộng 02 dây hụi mà bà L phải châu số tiền hụi chết cho bà là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Sau đó bà L có trả dần cho bà:

Năm 2020 bà L trả cho bà được 50.000.000 đồng.

Vào ngày 01/6/2021 bà L trả cho bà được 5.000.000 đồng.

Vào ngày 01/6/2022 bà L trả cho bà được 5.000.000 đồng.

Vào ngày 04/6/2023 bà L trả cho bà được 5.000.000 đồng.

Tổng cộng các lần bà L trả cho bà được 65.000.000 đồng, số tiền còn lại bà L không trả tiếp tục là 55.000.000 đồng. Bà cũng nhiều lần yêu cầu bà L trả cho bà số tiền hụi chết còn nợ lại là 55.000.000 đồng nhưng bà L cứ hứa lần lựa nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà.

Nay bà **B** yêu cầu bà **L** có nghĩa vụ trả cho bà **B** số tiền hui còn thiếu lại là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

*Tại biên bản hòa giải ngày 30 tháng 11 năm 2023 và tại phiên tòa bị đơn bà **Tôn Thị L** trình bày:* Đối với số nợ hui mà bà **B** vừa trình bày thì bà cũng thống nhất hiện nay bà còn nợ bà **B** số tiền hui chết trong dây hui 2.000.000 đồng và dây hui 3.000.000 đồng là 55.000.000 đồng, do hoàn cảnh gia đình bà hiện nay khó khăn, cho bà xin trả dần một năm 5.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền hui 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng), khi nào bà có tiền nhiều thì bà sẽ trả nhiều hơn.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); danh sách hui viên (bản photo).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà **Võ Thị Lệ B** đã cung cấp các tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn bà **Tôn Thị L** cũng thống nhất với số nợ nhưng được xin trả dần mỗi năm 5.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền 55.000.000 đồng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Do quen biết nên **Tôn Thị L** có tham gia 02 dây hui do bà **Võ Thị Lệ B** làm chủ, cụ thể: Dây hui 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 20/01a1/2019, có 24 hui viên, bà **L** tham gia 02 phần, đã hốt hui xong, còn nợ hui chết 06 lần là 24.000.000 đồng; dây hui 3.000.000 đồng/tháng, mở ngày 05/4a1/2020, có 20 hui viên, bà **L** tham gia 02 phần, đã hốt hui xong, còn nợ hui chết 16 lần là 96.000.000 đồng. Tổng cộng 02 dây hui bà **L** còn nợ là 120.000.000 đồng. Sau đó, bà **L** đã trả được 65.000.000 đồng, còn nợ 55.000.000 đồng. Nay, yêu cầu bà **L** trả số tiền hui còn nợ 55.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Phía bà **L** thừa nhận có tham gia 02 dây hụi như bà **B** trình bày, hiện còn nợ tiền hụi 55.000.000 đồng, xin trả dần 5.000.000 đồng/năm.

Xét thấy, căn cứ bà **B** khởi kiện là 02 giấy hụi 2.000.000 đồng, 3.000.000 đồng, được mở định kỳ hàng tháng, có 44 phần, trong đó bà **L** tham gia 02 phần của mỗi dây hụi. Việc giao dịch giữa bà **B** và bà **L** được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, bà **B** đã hoàn thành nghĩa vụ của chủ hụi giao tiền hụi theo thỏa thuận nhưng phía bà **L** vi phạm nghĩa vụ của hụi viên đóng hụi chết theo định kỳ và tại Tòa án, bà **L** thừa nhận còn nợ bà **B** 55.000.000 đồng nên việc bà **B** khởi kiện là có căn cứ, phù hợp Điều 471 Bộ luật Dân sự.

Về lãi suất, do bà **B** không yêu cầu nên không đề cập đến.

Căn cứ các Điều 471 Bộ luật Dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị Lệ B**.
- Buộc bà **Tôn Thị L** trả bà **Võ Thị Lệ B** số tiền 55.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà **Võ Thị Lệ Bé H** kiện yêu cầu bà **Tôn Thị L** có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi cho bà là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng). Bà **L** có nơi cư trú tại **ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang**. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[2] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:*

Qua lời khai và lời trình bày của bà **Võ Thị Lệ B** tại các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình bà giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định giữa bà **Lệ B** với bà **L** có ký kết hợp đồng góp hụi giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, không trái đạo đức xã hội, do bà **L** đã hốt hết 02 dây hụi mà bà tham gia do bà **B** làm chủ, sau đó bà không châu tiếp tục số tiền hụi còn thiếu lại cho bà **B** khi bà **B** có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 282, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong số các tài liệu, chứng cứ do bà **B** cung cấp có danh sách 02 dây hụi thể hiện dây hụi được bà **B** ghi tên **L** nằm các số thứ tự theo từng dây hụi và các tài liệu chứng cứ khác kèm theo hồ sơ vụ án.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn:*

Bà **B** yêu cầu bà **L** có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng).

Xem xét yêu cầu xin trả dần của bà **L** một năm 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nhưng không được phía bà **B** chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu trả dần của bà **L**.

Từ những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bà **B** tại phiên tòa vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **B** là phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà **B** không yêu cầu tính lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà **Tôn Thị L** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bà **Võ Thị Lệ B** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều:

Điều 282, 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị Lệ B**.

Buộc bà **Tôn Thị L** có nghĩa vụ trả cho bà **Võ Thị Lệ B** số tiền hụi 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Tôn Thị L** phải chịu 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà **Võ Thị Lệ B** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà **Võ Thị Lệ B** số tiền tạm ứng án phí mà bà **B** đã nộp 1.100.000 đồng (một triệu một trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0014169 do Chi cục thi hành án dân sự cấp ngày 26/10/2023 và số tiền tạm ứng án phí mà bà **B** đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0014858 do Chi cục thi hành án dân sự cấp ngày 25/12/2023.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn

